

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA 11 CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021 -2022

1. Nhận biết

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á bị thu hẹp là do

- A. khai thác không hợp lí và cháy rừng.
- B. cháy rừng và xây dựng nhà máy thủy điện.
- C. mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp.
- D. kết quả trồng rừng còn nhiều hạn chế.

Câu 2. Khu vực Đông Nam Á tiếp giáp hai đại dương là

- A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.
- D. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 3. Đông Nam Á nằm ở vị trí cầu nối giữa các lục địa nào sau đây?

- A. Á - Âu và Phi.
- B. Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.
- C. Á - Âu và Nam Mỹ.
- D. Á - Âu và Bắc Mỹ.

Câu 4. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển thủy điện.
- B. phát triển lâm nghiệp.
- C. phát triển kinh tế biển.
- D. phát triển chăn nuôi.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây không đúng khi nói về vị trí địa lí của Đông Nam Á?

- A. Là cầu nối giữa các lục địa Á- Âu- Ô-xtrây-li-a.
- B. Nằm ở phía Đông Nam của Châu Á.
- C. Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn.
- D. Nơi tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á?

- A. Khí hậu nóng ẩm.
- B. Khoáng sản nhiều loại.
- C. Đất trồng đa dạng.
- D. Rừng ôn đới phổ biến.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây không đúng về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- B. Có rất nhiều núi lửa và đảo.
- C. Nhiều nơi núi lan ra sát biển.
- D. Nhiều đồng bằng châu thổ.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng với Đông Nam Á lục địa?

- A. Có một số sông lớn nhiều nước.
- B. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- C. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa.
- D. Có các đồng bằng phù sa.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng với khu vực Đông Nam Á biển đảo?

- A. Quần đảo thuộc loại lớn nhất thế giới.
- B. Nằm trong vùng có động đất núi lửa hoạt động mạnh.
- C. Bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- D. Có nhiều đồng bằng lớn, đất phù sa được phủ tro, bụi của núi lửa.

Câu 10. Ý nào sau đây không đúng về vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á?

- A. Nằm trong đới khí hậu gió mùa nhiệt đới và khí hậu xích đạo.
- B. Nằm hoàn toàn trong khu vực nhiệt đới gió mùa thuộc bán cầu Bắc.
- C. Nằm gần hai quốc gia có nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Quốc.
- D. Nằm ở phía Đông Nam lục địa Á - Âu, nơi tiếp giáp giữa hai đại dương.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo?

- A. Khí hậu có một mùa đông lạnh.
- B. Đồng bằng có đất đai màu mỡ.
- C. Tập trung nhiều đảo, quần đảo.
- D. Ít đồng bằng, nhiều đồi núi.

Câu 12. Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á và lớn thứ ba trên thế giới là

- A. Gia-va.
- B. Lu-xôn.
- C. Xu-ma-tra.
- D. Ca-li-man-tan.

Câu 13. Các quốc gia nào sau đây không thuộc Đông Nam Á biển đảo?

- A. Thái Lan, Đông-Ti-mo.
- B. Bru-nây, Phi-lip-pin.
- C. Xing-ga-po, Cam-pu-chia.
- D. Cam-pu-chia, Việt Nam.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên Đông Nam Á lục địa?

- A. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- B. Địa hình đồi núi chia cắt mạnh.
- C. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa.
- D. Các đồng bằng phù sa màu mỡ.

Câu 15. Hướng phát triển của công nghiệp Đông Nam Á không phải là

- A. tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.
- B. hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ.
- C. tập trung sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước.
- D. tăng cường đào tạo kỹ thuật cho người lao động.

Câu 16. Một số sản phẩm công nghiệp của Đông Nam Á đã có được sức cạnh tranh trên thị trường thế giới chủ yếu là nhờ vào việc

- A. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.
- B. tăng cường công nhân có trình độ kỹ thuật cao.
- C. đầu tư vốn để đổi mới nhiều máy móc, thiết bị.
- D. có sự liên kết và hợp tác sản xuất giữa các nước.

Câu 17. Quốc gia có sản lượng lúa gạo lớn nhất Đông Nam Á là

- A. Phi-lip-pin.

- B. In-đô-nê-xi-a.
- C. Thái Lan.
- D. Việt Nam.

Câu 18. Các cây trồng chủ yếu ở Đông Nam Á là

- A. lúa gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, dừa.
- B. lúa mì, cà phê, củ cải đường, chà là.
- C. lúa gạo, củ cải đường, hồ tiêu, mía.
- D. lúa mì, dừa, cà phê, ca cao, mía.

Câu 19. Vấn đề nào sau đây không còn là thách thức lớn đối với các nước ASEAN hiện nay?

- A. Tình trạng ô nhiễm môi trường.
- B. Chênh lệch giàu nghèo lớn.
- C. Thất nghiệp, thiếu việc làm.
- D. Thiếu lương thực trầm trọng.

Câu 20. Mục đích chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp lấy dầu ở Đông Nam Á là

- A. mở rộng xuất khẩu thu ngoại tệ.
- B. phá thế độc canh trong nông nghiệp.
- C. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- D. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Câu 21. Nguyên nhân chính làm cho ngành khai thác hải sản ở các nước Đông Nam Á chưa phát huy được lợi thế là

- A. phương tiện khai thác thô sơ, chậm đổi mới.
- B. thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.
- C. chưa chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển.
- D. môi trường biển bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Câu 22. Xu hướng phổ biến trong chính sách phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. chú trọng phát triển sản xuất hàng tiêu dùng.
- B. tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.
- C. phát triển các ngành hiện đại, vốn đầu tư lớn.
- D. ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

Câu 23. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây giúp Đông Nam Á phát triển mạnh cây lúa gạo?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc với lượng nước dồi dào.
- B. Khí hậu nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo.
- C. Có nhiều cao nguyên đất đỏ badan màu mỡ.
- D. Người dân có nhiều kinh nghiệm trồng lúa gạo.

Câu 24. Biểu hiện chứng tỏ cơ cấu nền kinh tế các nước Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

- A. dịch vụ đóng góp cho GDP là chủ yếu.
- B. kinh tế nông nghiệp ngày càng thu hẹp.
- C. kinh tế công nghiệp chuyển sang kinh tế dịch vụ.
- D. kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp.

Câu 25. Ý nào sau đây không phải là hướng phát triển của các nước Đông Nam Á?

- A. Tăng cường liên doanh liên kết với nước ngoài.

- B. Hiện đại hóa thiết bị, chuyên giao công nghệ.
- C. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.
- D. Tập trung đẩy mạnh khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Câu 26. Việc phát triển giao thông của Đông Nam Á lục địa theo hướng Đông - Tây gặp khó khăn do

- A. Đông Nam Á lục địa ít giao lưu theo hướng Đông - Tây.
- B. các dãy núi chủ yếu theo hướng Tây Bắc - Đông Nam hoặc Bắc - Nam.
- C. việc giao lưu theo hướng Đông - Tây ít đem lại lợi ích hơn.
- D. các dãy núi chủ yếu chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Câu 27. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho sản lượng lúa gạo của khu vực Đông Nam Á tăng lên trong những năm gần đây?

- A. Khai hoang, mở rộng diện tích lúa.
- B. Áp dụng các biện pháp thâm canh.
- C. Dân số tăng, nhu cầu thị trường lớn.
- D. Sử dụng giống mới năng suất cao.

Câu 28. Cà phê, cao su, hồ tiêu được trồng nhiều ở Đông Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Có khí hậu nóng ẩm, đất badan màu mỡ.
- B. Thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn ổn định.
- C. Truyền thống trồng cây công nghiệp từ lâu đời.
- D. Quỹ đất cho phát triển các cây công nghiệp lớn.

Câu 29. Các quốc gia thành viên sáng lập ASEAN gồm

- A. Mai-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Lào.
- B. Mai-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây.
- C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin, Mi-an-ma.
- D. Mai-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin.

Câu 30. Mục tiêu khái quát nhất mà các nước ASEAN cần đạt được là

- A. xây dựng ASEAN thành một khu vực hoà bình, ổn định.
- B. giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước.
- C. đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định, cùng phát triển.
- D. thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước.

Câu 31. Sắp xếp theo thứ tự gia nhập ASEAN của các nước trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Thái Lan, Bru-nây, Việt Nam, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- B. Việt Nam, Thái Lan, Bru-nây, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia Mi-an-ma và Bru-nây.
- D. Thái Lan, Việt Nam, Bru-nây, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.

Câu 32. Sắp xếp theo thứ tự gia nhập ASEAN của các nước trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Thái Lan, Việt Nam, Bru-nây, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- B. In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Việt Nam, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia Mi-an-ma và Bru-nây.
- D. Việt Nam, Thái Lan, Bru-nây, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.

2. Thông hiểu

Câu 33. Đặc điểm nào sau đây không đúng với tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo?

- A. Dầu mỏ và khí đốt có trữ lượng lớn.
- B. Nhiều đồi núi, có núi lửa hoạt động.
- C. Đồng bằng rộng lớn, đất cát pha là chủ yếu.
- D. Khí hậu nóng ẩm và có gió mùa hoạt động.

Câu 34. Đông Nam Á biển đảo nằm trong các đới khí hậu nào sau đây?

- A. Nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo.
- B. Nhiệt đới, cận xích đạo và xích đạo.
- C. Cận xích đạo và xích đạo.
- D. Cận nhiệt, nhiệt đới và cận xích đạo.

Câu 35. Đặc điểm chung của khí hậu khu vực Đông Nam Á là

- A. phân mùa.
- B. nóng, ẩm.
- C. khô, nóng.
- D. lạnh, ẩm.

Câu 36. Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú đa dạng là do

- A. có dân số đông, nhiều quốc gia.
- B. nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn.
- C. vị trí cầu nối giữa lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtray-li-a.
- D. là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.

Câu 37. Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á là

- A. Khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng (trừ Lào).
- C. Hoạt động của gió mùa với một mùa đông lạnh thực sự.
- D. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế và có sự phân hóa của khí hậu.

Câu 38. Đặc điểm nào sau đây không đúng về dân cư - xã hội của phần lớn các nước Đông Nam Á hiện nay?

- A. Lao động có chuyên môn kỹ thuật chiếm tỉ lệ lớn.
- B. Dân cư tập trung đông ở các đồng bằng châu thổ.
- C. Dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.
- D. Có nhiều nét tương đồng về phong tục, tập quán và sinh hoạt văn hóa.

Câu 39. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm dân cư và xã hội của khu vực Đông Nam Á?

- A. Đạo Phật là tôn giáo phổ biến ở các nước Đông Nam Á biển đảo.
- B. Dân cư tập trung đông ở các đồng bằng châu thổ sông.
- C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm.
- D. Một số dân tộc phân bố không theo biên giới quốc gia.

Câu 40. Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á lục địa?

- A. Chủ yếu là đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.
- B. Nhiều đồi núi và núi lửa, sông ngòi ngắn.
- C. Tập trung rất nhiều đảo và các quần đảo.
- D. Có khí hậu chủ yếu là nhiệt đới gió mùa.

Câu 41. Phát biểu nào sau đây không đúng với tự nhiên Đông Nam Á biển đảo?

- A. Khí hậu có một mùa đông lạnh.
- B. Tập trung nhiều đảo, quần đảo.
- C. Đồng bằng có đất đai màu mỡ.

D. Ít đồng bằng, nhiều đồi núi.

Câu 42. Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản là do

- A. có diện tích rừng xích đạo lớn.
- B. có nhiều đảo, quần đảo và núi lửa.
- C. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- D. nằm trong vành đai sinh khoáng.

Câu 43. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm dân cư của Đông Nam Á?

- A. Dân cư đông và tăng nhanh.
- B. Mật độ dân số cao nhưng phân bố không đều.
- C. Nguồn lao động rất dồi dào.
- D. Dân cư phân bố đồng đều giữa các quốc gia.

Câu 44. Quốc gia nào sau đây ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão?

- A. Việt Nam
- B. Ma-lai-xi-a.
- C. Phi-lip-pin.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 45. Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nhiều của động đất là do

- A. nằm ở nơi gặp gỡ giữa các luồng sinh vật.
- B. nơi giao thoa giữa các vành đai sinh khoáng.
- C. liền kề với vành đai lửa Thái Bình Dương.
- D. nằm trong đới khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 46. Điểm nào sau đây không đúng với tài nguyên khu vực Đông Nam Á?

- A. Sinh vật biển đa dạng.
- B. Khí hậu ôn hoà.
- C. Thực vật phong phú.
- D. Khoáng sản giàu có.

Câu 47. Điểm tương đồng của tất cả các nước Đông Nam Á về mặt vị trí địa lí là

- A. tiếp giáp biển.
- B. có tính chất bán đảo.
- C. thường chịu ảnh hưởng của thiên tai.
- D. nằm chủ yếu trong vùng nội chí tuyến.

Câu 48. Các đồng bằng ở Đông Nam Á biển đảo màu mỡ là do

- A. có lớp phủ thực vật.
- B. được phù sa của các con sông bồi đắp.
- C. được con người cải tạo hợp lí.
- D. sản phẩm phong hóa từ dung nham núi lửa.

Câu 49. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm địa hình của các nước Đông Nam Á biển đảo?

- A. Ít đồng bằng, nhiều đồi núi và núi lửa.
- B. Đa phần là đồng bằng duyên hải, có đất cát nghèo dinh dưỡng.
- C. Chủ yếu là đồi núi thấp, có độ cao trung bình dưới 3000m.
- D. Đồng bằng lớn tập trung ở các đảo Calimanta, Xumatra.

Câu 50. Đông Nam Á biển đảo là khu vực có nhiều động đất và núi lửa vì

- A. nằm trong “vành đai lửa Thái Bình Dương”.
- B. là nơi gặp gỡ của hai vành đai sinh khoáng thế giới.
- C. phần lớn lãnh thổ là quần đảo nên nền đất không ổn định.
- D. tiếp giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương nên có sóng thần hoạt động.

Câu 51. Điểm khác nhau cơ bản của địa hình Đông Nam Á biển đảo với Đông Nam Á lục địa là

- A. ít đồng bằng, nhiều đồi núi.
- B. núi thường thấp dưới 3000m.
- C. có nhiều núi lửa đang hoạt động.
- D. đồng bằng phù sa nằm đan xen giữa các dãy núi.

Câu 52. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay có xu hướng giảm chủ yếu do

- A. thực hiện tốt chính sách dân số.
- B. trình độ dân trí được nâng cao.
- C. tâm lí xã hội có nhiều thay đổi.
- D. nông nghiệp cần ít lao động hơn.

Câu 53. Phát biểu nào sau đây không phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.
- B. Sử dụng chung một đồng tiền riêng của khu vực.
- C. Do sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
- D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

Câu 54. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN hiện nay?

- A. Mở rộng liên kết với các nước bên ngoài.
- B. Trình độ phát triển khác nhau giữa các nước.
- C. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới.
- D. Quan tâm đến nâng cao trình độ nhân lực.

Câu 55. Phát biểu nào sau đây không đúng với các quốc gia trong ASEAN hiện nay?

- A. Chú trọng việc bảo vệ môi trường.
- B. Có trình độ phát triển giống nhau.
- C. Phong tục, tập quán có sự tương đồng.
- D. Tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia.

Câu 56. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ phát triển của ASEAN còn chưa đồng đều?

- A. GDP của một số nước rất cao, trong khi nhiều nước còn thấp
- B. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia khác nhau
- C. Đô thị hoá khác nhau giữa các quốc gia
- D. Việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nhiều nước chưa hợp lí

Câu 57. Đâu không phải là thách thức của ASEAN trong những năm gần đây?

- A. Chênh lệch trình độ phát triển.
- B. Tình trạng đói nghèo còn phổ biến.
- C. Đã tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định.
- D. Vấn đề tôn giáo, hòa hợp dân tộc.

3. Vận dụng

Câu 58. Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng là điều kiện thuận lợi để

- A. ổn định chính trị.
- B. phát triển du lịch.
- C. hội nhập quốc tế.
- D. hợp tác cùng phát triển.

Câu 59. Sự đa dạng về dân tộc của hầu hết các nước Đông Nam Á không có tác động nào sau đây về mặt văn hóa, xã hội?

- A. Sự thuần nhất trong ngôn ngữ, phong tục tập quán.
- B. Sự đa dạng, độc đáo trong sinh hoạt.
- C. Sự phức tạp trong đời sống chính trị, tôn giáo.
- D. Sự năng động trong lối sống của dân cư.

Câu 60. Trở ngại thường xuyên của thiên nhiên Đông Nam Á đối với phát triển kinh tế là

- A. lũ lụt, bão.
- B. động đất, sóng thần.
- C. lũ lụt, động đất.
- D. phân bố tài nguyên.

Câu 61. Lượng điện tiêu dùng bình quân theo đầu người ở các nước Đông Nam Á hiện nay còn thấp là biểu hiện trực tiếp của

- A. chất lượng cuộc sống thấp.
- B. nền kinh tế phát triển chậm.
- C. trình độ đô thị hóa thấp.
- D. tỉ trọng dân nông thôn lớn.

Câu 62. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích gieo trồng lúa gạo ở các nước Đông Nam Á giảm là

- A. nhu cầu sử dụng lúa gạo giảm
- B. năng suất lúa gạo tăng lên nhanh chóng.
- C. sản xuất lúa gạo đã đáp ứng được yêu cầu của người dân.
- D. chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cơ cấu cây trồng.

Câu 63. Công nghiệp chế biến thực phẩm phân bố rộng khắp các nước Đông Nam Á là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt.
- B. Chất lượng lao động ngày càng cao.
- C. Cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại.
- D. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 64. Công nghiệp chế biến thực phẩm của Đông Nam Á phát triển dựa trên các thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguồn lao động rất dồi dào và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
- B. Nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng khá hiện đại.
- C. Nguồn nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ rộng.
- D. Nguồn vốn đầu tư nhiều và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 65. Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do

- A. nâng cao trình độ kĩ thuật cho người lao động.

- B. mở rộng thị trường tiêu thụ trong, ngoài nước.
- C. liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài.
- D. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 66. Công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô của Đông Nam Á phát triển nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn trong nước.
- B. nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- C. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.
- D. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 67. Việc xây dựng đường giao thông trong khu vực Đông Nam Á theo hướng đông-tây hết sức cần thiết đối với các nước có

- A. hướng núi Bắc- Nam.
- B. hướng núi Tây Bắc- Đông Nam.
- C. lãnh thổ kéo dài theo chiều bắc- nam.
- D. lãnh thổ kéo dài theo chiều Đông- Tây.

Câu 68. Lúa gạo là cây trồng chính của Đông Nam Á nhưng diện tích gieo trồng có xu hướng giảm vì

- A. việc sử dụng lương thực của người dân ngày càng được đa dạng hóa.
- B. nhu cầu thị trường lúa gạo của thế giới đang có xu hướng giảm xuống.
- C. đất trồng lúa đang được chuyển sang trồng cây công nghiệp và cây ăn quả có giá trị cao hơn.
- D. những biến đổi khí hậu toàn cầu đã làm cho một số vùng không còn thích hợp cho việc trồng lúa.

Câu 69. Lợi thế quan trọng nhất để các nước Đông Nam Á phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản là

- A. nhu cầu thị trường trong nước và thế giới ngày càng lớn.
- B. công nghiệp chế biến thực phẩm là ngành trọng điểm.
- C. hầu hết các nước tiếp giáp biển, vùng biển nóng giàu hải sản.
- D. người dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản.

Câu 70. Việc xây dựng đường giao thông đường bộ theo hướng Đông - Tây hết sức cần thiết đối với Đông Nam Á lục địa vì

- A. hướng núi bắc - nam, tây bắc - đông nam.
- B. địa hình nhiều đồi núi, phân hóa phức tạp.
- C. lãnh thổ kéo dài theo chiều bắc - nam.
- D. lãnh thổ kéo dài theo chiều đông - tây.

Câu 71. Nhân tố nào sau đây đã ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư của các nước Đông Nam Á?

- A. Đói nghèo, dịch bệnh, dân số tăng nhanh.
- B. Ô nhiễm môi trường, thiên tai.
- C. Thất nghiệp, thiếu việc làm.
- D. Mất ổn định do vấn đề dân tộc, tôn giáo.

Câu 72. Các nước ASEAN cần thực hiện giải pháp trước mắt nào sau đây để tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài?

- A. Cải thiện môi trường đầu tư.
- B. Nâng cao đời sống cho dân cư.
- C. Đào tạo nguồn lao động có trình độ cao.
- D. Tăng cường dịch vụ quảng bá hình ảnh.

Câu 73. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về những vấn đề xã hội đòi hỏi các nước ASEAN phải giải quyết?

- A. Thất nghiệp và sự phát triển nguồn nhân lực.
- B. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường chưa hợp lí.
- C. Tôn giáo và sự hòa hợp dân tộc ở mỗi quốc gia.
- D. Sự đa dạng về phong tục và tập quán ở mỗi quốc gia.

Câu 74. Phát biểu nào sau đây đúng về thành tựu của ASEAN hiện nay?

- A. Nhiều quốc gia thuộc vào nhóm nước phát triển.
- B. Các quốc gia đều có trình độ phát triển giống nhau.
- C. Tình trạng đói nghèo của người dân đã được xóa bỏ.
- D. Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia khá cao.

Câu 75. Phát biểu nào sau đây đúng với ASEAN hiện nay?

- A. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới.
- B. Các nước có trình độ phát triển giống nhau.
- C. Mở rộng hợp tác với nhiều nước bên ngoài.
- D. Mức sống dân cư tương đồng giữa các nước.

Câu 76. Phát biểu nào sau đây đúng với ASEAN hiện nay?

- A. Cơ sở hạ tầng ngày càng được hiện đại hóa.
- B. Thành viên bao gồm 11 nước Đông Nam Á.
- C. Không liên kết với các quốc gia bên ngoài.
- D. Mức sống dân cư tương đồng giữa các nước.

Câu 77. Cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế xã hội ở mỗi quốc gia cũng như toàn khu vực Đông Nam Á là

- A. đã có 10 nước là thành viên của ASEAN.
- B. thu hút mạnh các nguồn đầu tư nước ngoài.
- C. khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định.

4. Vận dụng cao

Câu 78. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống ở nhiều nước Đông Nam Á gặp khó khăn?

- A. Trình độ lao động thấp, phân bố lao động chưa đồng đều.
- B. Quy mô dân số đông, trình độ phát triển kinh tế chưa cao.
- C. Chuyên dịch cơ cấu kinh tế chậm, năng suất lao động cao.
- D. Dân số tăng nhanh, chất lượng giáo dục còn nhiều hạn chế.

Câu 79. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho mức tiêu thụ điện bình quân đầu người ở Đông Nam Á còn thấp?

- A. Ngành điện hoạt động còn hạn chế.
- B. Công nghiệp chưa phát triển mạnh.
- C. Trình độ đô thị hóa còn chưa cao.
- D. Chất lượng cuộc sống dân cư thấp.

Câu 80. Một số nước Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng công nghiệp nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. mở rộng thu hút đầu tư nước ngoài.
- B. tăng cường khai thác khoáng sản.
- C. phát triển mạnh các hàng xuất khẩu.
- D. nâng cao trình độ người lao động.

Câu 81. Công nghiệp Đông Nam Á đang phát triển mạnh theo hướng tăng cường liên doanh, liên kết nhằm mục đích chính là

- A. tận dụng được nguồn lao động dồi dào.
- B. xuất khẩu sang chính các nước đó.
- C. tích lũy vốn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tiếp theo.
- D. tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.

Câu 82. Biện pháp nào có hiệu quả nhất để tăng sản lượng lúa gạo của các nước Đông Nam Á?

- A. Tăng cường đầu tư phát triển thủy lợi.
- B. Sử dụng các giống lúa năng suất cao.
- C. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- D. Tăng cường sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu.

Câu 83. Biện pháp quan trọng trong việc đẩy mạnh khai thác thủy hải sản của khu vực Đông Nam Á là

- A. đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.
- B. giải quyết những vấn đề tranh chấp trên biển Đông.
- C. trang bị các tàu lớn, phương tiện đánh bắt hiện đại.
- D. có những chính sách ưu tiên ngành đánh bắt thủy hải sản.

Câu 84. Sức cạnh tranh của các ngành công nghiệp chế biến và lắp ráp của các nước Đông Nam Á là do

- A. trình độ khoa học kỹ thuật ngày càng cao.
- B. sự suy giảm của các cường quốc khác.
- C. nguồn nguyên liệu dồi dào, chất lượng cao.
- D. nguồn lao động dồi dào, công lao động thấp.

Câu 85. Dịch vụ là ngành được các nước Đông nam Á ưu tiên phát triển nhằm mục đích.

- A. khai thác tiềm năng du lịch.
- B. khai thác lợi thế về vị trí địa lí.
- C. tạo cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư.
- D. thúc đẩy các ngành kinh tế khác.

Câu 86. Thách thức được coi là lớn nhất mà Việt Nam cần phải vượt qua khi tham gia ASEAN là

- A. quy mô dân số đông và phân bố chưa hợp lí.
- B. nước ta có nhiều thành phần dân tộc.
- C. chênh lệch trình độ phát triển kinh tế, công nghệ.
- D. các tai biến thiên nhiên như bão, lũ lụt, hạn hán.

Câu 87. Cho bảng số liệu:

TỔNG GDP TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

| Năm | 2010 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|---------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| In-dô-nê-xi-a | 755 094 | 917 870 | 912 524 | 890 487 | 861 934 |
| Thái Lan | 340 924 | 397 291 | 419 889 | 404 320 | 395 168 |
| Xin-ga-po | 236 422 | 289 269 | 300 288 | 306 344 | 292 739 |
| Việt Nam | 116 299 | 156 706 | 173 301 | 186 205 | 193 412 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng GDP trong nước theo giá hiện hành của một số quốc gia, giai đoạn 2010-2015?

- A. In-đô-nê-xi-a tăng liên tục.
- B. Việt Nam tăng liên tục.
- C. Thái Lan tăng ít nhất.
- D. Xin-ga-po tăng nhanh nhất.

Câu 88. Cho bảng số liệu:

**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP TRONG NƯỚC
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

(Đơn vị: %)

| Năm | 2010 | 2012 | 2014 | 2015 |
|---------------|------|------|------|------|
| In-đô-nê-xi-a | 6,2 | 6,0 | 5,0 | 4,8 |
| Ma-lai-xi-a | 7,0 | 5,5 | 6,0 | 5,0 |
| Phi-líp-pin | 7,6 | 6,7 | 6,2 | 5,9 |
| Thái Lan | 7,5 | 7,2 | 0,8 | 2,8 |
| Việt Nam | 6,4 | 5,3 | 6,0 | 6,7 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng GDP trong nước của một số quốc gia giai đoạn 2010 - 2015?

- A. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan giảm.
- B. Ma-lai-xi-a và Phi-líp-pin tăng.
- C. Việt Nam và Thái Lan tăng.
- D. Ma-lai-xi-a có xu hướng giảm.

Câu 89. Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2012 VÀ 2015**

(Đơn vị: Đô la Mỹ)

| Năm | In-đô-nê-xi-a | Phi-líp-pin | Thái Lan | Xin-ga-po | Việt Nam |
|------|---------------|-------------|----------|-----------|----------|
| 2012 | 3 701 | 2 605 | 5 915 | 54 451 | 1 748 |
| 2015 | 3 346 | 2 904 | 5 815 | 52 889 | 2 109 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của một số quốc gia, năm 2012 và 2015?

- A. Xin-ga-po giảm chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
- B. Phi-líp-pin tăng chậm hơn Việt Nam.
- C. Xin-ga-po tăng nhiều nhất trong 5 nước.
- D. Thái Lan giảm chậm nhất trong 5 nước.

Câu 90. Cho bảng số liệu:

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI (HDI) CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2014 VÀ 2015

| Năm | Nhật Bản | Hàn Quốc | Trung Quốc | Việt Nam |
|------|----------|----------|------------|----------|
| 2014 | 0,891 | 0,898 | 0,727 | 0,666 |
| 2015 | 0,903 | 0,901 | 0,738 | 0,683 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chỉ số phát triển con người của một số quốc gia, năm 2014 và 2015?

- A. Nhật Bản tăng nhanh hơn Trung Quốc.
- B. Trung Quốc tăng nhanh hơn Hàn Quốc.
- C. Hàn Quốc tăng ít nhất trong các nước.
- D. Việt Nam tăng nhiều hơn Hàn Quốc.

Câu 91. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ BÌNH QUÂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2016

(Đơn vị: Tuổi)

| Quốc gia | In-đô-nê-xi-a | Phi-líp-pin | Thái Lan | Việt Nam |
|----------|---------------|-------------|----------|----------|
| Tuổi thọ | 69 | 65 | 72 | 71 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tuổi thọ bình quân của một số quốc gia, năm 2016?

- A. Thái Lan cao nhất trong các nước.
- B. Việt Nam cao hơn Phi-líp-pin.
- C. Phi-líp-pin cao hơn In-đô-nê-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Việt Nam.

Câu 92. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2015

| Quốc gia | Diện tích (nghìn km ²) | Dân số (triệu người) |
|---------------|------------------------------------|----------------------|
| Bru-nây | 5,8 | 0,4 |
| Cam-pu-chia | 181,1 | 15,8 |
| In-đô-nê-xi-a | 1910,9 | 259,4 |
| Lào | 236,8 | 7,1 |
| Phi-líp-pin | 300,0 | 102,6 |
| Xin-ga-po | 0,7 | 5,6 |
| Việt Nam | 331,2 | 92,7 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với mật độ dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2015?

- A. Xin-ga-po cao nhất, Bru-nây thấp nhất.
- B. Xin-ga-po cao gấp 28,6 lần Việt Nam.
- C. Việt Nam cao gấp 3,2 lần Cam-pu-chia.
- D. Nước cao nhất gấp 6,1 lần nước thấp nhất.

Câu 93. Cho bảng số liệu:

**XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015**

(Đơn vị: Tỷ USD)

| Quốc gia | Ma-lai-xi-a | Thái Lan | Xin-ga-po | Việt Nam |
|-----------|-------------|----------|-----------|----------|
| Xuất khẩu | 210,1 | 272,9 | 516,7 | 173,3 |
| Nhập khẩu | 187,4 | 228,2 | 438,0 | 181,8 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia năm 2015?

- A. Ma-lai-xi-a là nước nhập siêu.
- B. Việt Nam là nước nhập siêu.
- C. Thái Lan xuất siêu nhiều nhất.
- D. Ma-lai-xi-a nhập siêu ít nhất.

Câu 94. Cho bảng số liệu:

**XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015**

(Đơn vị: Tỷ USD)

| Quốc gia | Ma-lai-xi-a | Thái Lan | Xin-ga-po | Việt Nam |
|-----------|-------------|----------|-----------|----------|
| Xuất khẩu | 210,1 | 272,9 | 516,7 | 173,3 |
| Nhập khẩu | 187,4 | 228,2 | 438,0 | 181,8 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2015 theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Tròn.
- D. Miền.

Câu 95. Quốc gia nào sau đây có tính chất bán đảo rõ rệt nhất ở Đông Nam Á?

- A. Thái Lan.
- B. Lào.
- C. Cam-pu-chia.
- D. Việt Nam.

Câu 96. Việc phát triển giao thông ở Đông Nam Á lục địa theo chiều đông - tây rất quan trọng vì

- A. địa hình chủ yếu theo hướng tây - đông.
- B. địa hình chủ yếu theo hướng bắc - nam.
- C. các quốc gia chưa có nhiều tuyến đường ngang.
- D. tạo thuận lợi cho thông thương, hợp tác phát triển.

Câu 97. Cho bảng số liệu:

TỔNG DỰ TRỮ QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2010 VÀ 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

| Năm | Trung Quốc | Nhật Bản | Thái Lan | Việt Nam |
|------|------------|----------|----------|----------|
| 2010 | 286,6 | 106,1 | 167,5 | 12,5 |
| 2015 | 334,5 | 120,7 | 151,3 | 28,3 |

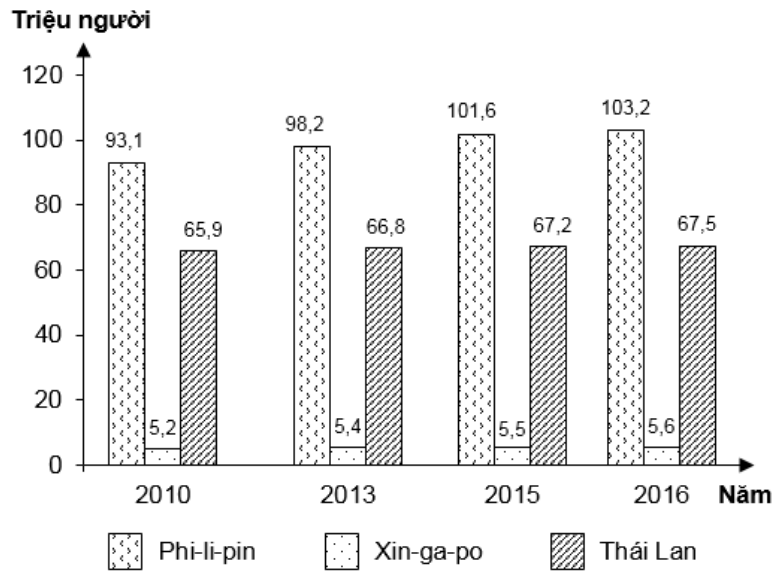
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng dự trữ quốc tế của một số quốc gia, năm 2010 và 2015?

- A. Trung Quốc tăng ít hơn Nhật Bản
- B. Việt Nam tăng nhiều hơn Trung Quốc.
- C. Thái Lan tăng chậm hơn Việt Nam.

D. Nhật Bản tăng ít hơn Việt Nam.

Câu 98 Cho biểu đồ dân số của Phi-li-pin, Xin-ga-po và Thái Lan giai đoạn 2010 - 2016:

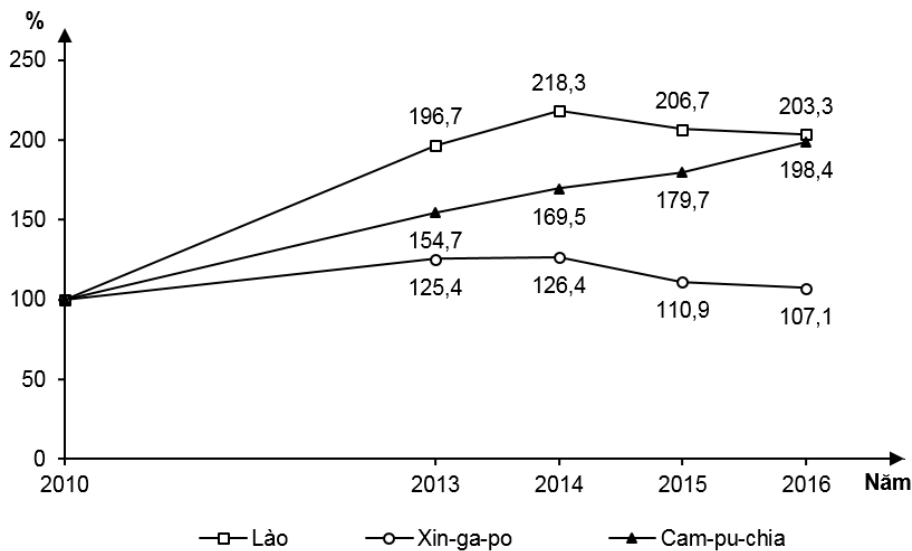


(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô dân số của Phi-li-pin, Xin-ga-po và Thái Lan giai đoạn 2010 - 2016.
- B. Gia tăng tự nhiên của dân số Phi-li-pin, Xin-ga-po và Thái Lan giai đoạn 2010 - 2016.
- C. Tốc độ tăng trưởng dân số của Phi-li-pin, Xin-ga-po và Thái Lan giai đoạn 2010 - 2016.
- D. Chuyển dịch cơ cấu dân số của Phi-li-pin, Xin-ga-po và Thái Lan giai đoạn 2010 - 2016.

Câu 99: Cho biểu đồ về xuất nhập khẩu của Lào, Xin-ga-po và Cam-pu-chia, giai đoạn 2010 - 2016:

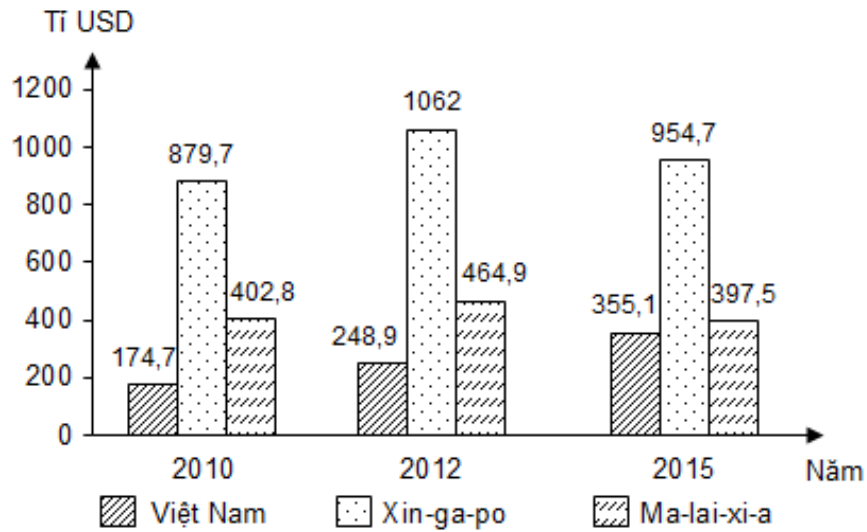


(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cán cân xuất nhập khẩu của Lào, Xin-ga-po và Cam-pu-chia, giai đoạn 2010 - 2016.
- B. Quy mô xuất nhập khẩu của Lào, Xin-ga-po và Cam-pu-chia, giai đoạn 2010 - 2016.
- C. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Lào, Xin-ga-po và Cam-pu-chia, giai đoạn 2010 - 2016.
- D. Chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu của Lào, Xin-ga-po và Cam-pu-chia, giai đoạn 2010 - 2016.

Câu 100. Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của một số quốc gia giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.
- B. So sánh giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.
- C. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.
- D. Qui mô và cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.